

Số: 04/2020/QĐST-DS

H An, ngày 11 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP BIDV; địa chỉ trụ sở: Số 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Tuyết Nh - chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng BIDV (Văn bản ủy quyền số 324/QĐ-BIDV.HP ngày 14/7/2020 của giám đốc Ngân hàng BIDV- chi nhánh H Phòng).

- Bị đơn: Anh Lê Thanh H và chị Tăng Thị S; nơi cư trú: Số 427 đường ĐN, phường ĐH 1, quận HA, thành phố H Phòng;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn QU; nơi cư trú: Số 427 đường ĐN, phường ĐH 1, quận HA, thành phố H Phòng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn đối Hợp đồng tín dụng số 241/10003430/2017/HĐTD ngày 21/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số 196/10003430/2018/HĐTD ngày 04/5/2018 ký kết giữa Ngân hàng TMCP BIDV

với anh Lê Văn QU và chị Tăng Thị S: Tạm tính đến ngày 03/9/2020 là: 5.097.366.409 đồng (Năm tỷ không trăm chín mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm linh chín đồng); trong đó: Nợ gốc: 4.107.220.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 883.544.098 đồng; lãi phạt quá hạn: 29.102.897 đồng; lãi chậm trả lãi: 77.499.414 đồng, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 241/10003430/2017/HĐTD ngày 21/7/2017: Tổng nợ: 3.913.263.178 đồng (Ba tỷ chín trăm mười ba triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn một trăm bảy mươi tám đồng); trong đó: Nợ gốc: 3.148.900.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 685.959.062 đồng; lãi phạt quá hạn: 17.162.305 đồng; lãi chậm trả lãi: 61.241.811 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 196/10003430/2018/HĐTD ngày 04/5/2018: Tổng nợ: 1.184.103.231 (Một tỷ một trăm tám mươi tư triệu một trăm linh ba nghìn hai trăm ba mươi một đồng); trong đó: Nợ gốc: 958.320.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 197.585.036 đồng; lãi phạt quá hạn: 11.940.592 đồng; lãi chậm trả lãi: 16.257.603 đồng.

Trong đó, tổng số nợ quá hạn đối với hai hợp đồng trên tạm tính đến ngày 03/9/2020: 1.451.265.733 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng).

2.2. Về thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán:

Đối với số nợ gốc, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/9/2020: 1.451.265.733 đồng các bên thống nhất như sau:

- Chậm nhất đến ngày 30/9/2020, bị đơn thanh toán cho Ngân hàng số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến ngày 30 các tháng 10, 11, 12/2020, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng)/tháng.

- Chậm nhất đến ngày 30 hàng tháng từ tháng 01 đến 05/2021, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)/tháng.

- Kể từ 01/6/2021 đến ngày 03/9/2021, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số nợ quá hạn còn lại là: 1.006.265.733 đồng (Một tỷ không trăm linh sáu triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng) cùng toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi đến

hạn theo thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 04/9/2020 đến ngày 03/9/2021.

Trường hợp bị đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như cam kết, kể từ ngày 04/9/2021, bị đơn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo nội dung các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 241/10003430/2017/HĐTD ngày 21/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số 196/10003430/2018/HĐTD ngày 04/5/2018 đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2.3. Đối với tài sản bảo đảm:

Trường hợp bị đơn thanh toán không đầy đủ hoặc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo cam kết giữa các bên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ phát mãi và xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 243/2017/HĐTC ngày 21/7/2017: Tài sản gắn liền trên đất và diện tích đất 90,5 m² tại thửa số 41; tờ bản đồ số 3-1 (địa chỉ: số 427 đường Đà Nẵng, tổ dân phố Đoạn Xá 2, phường Đông H 1, quận H An, H Phòng) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 855198 do UBND quận H An cấp ngày 31/12/2013 cho ông Lê Văn QU và bà Nguyễn Thu Hà. Ngày 11/8/2015, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh quận H An, H Phòng chứng nhận ông Lê Văn QU được thừa kế quyền sử dụng đất theo Văn bản khai nhận và nhường quyền hưởng tài sản thừa kế, vào sổ đăng ký biến động số 3831.

Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng. Nếu tài sản bảo đảm thừa thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với Ngân hàng thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại số tiền thừa cho ông Lê Văn QU.

Trong thời gian chưa trả được nợ thì anh Lê Thanh H, chị Tăng Thị S và ông Lê Văn QU có nghĩa vụ giữ gìn tài sản đảm bảo nguyên trạng như quy định tại Hợp đồng thế chấp đã ký với Ngân hàng. Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi khi Ngân hàng thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm.

2.4. Về án phí:

- Bị đơn pH chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 56.548.683 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng).

- Trả lại Ngân hàng TMCP BIDV số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 56.500.000 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017751 ngày 16/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H An, thành phố H Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H Phòng;
- VKSND quận H An;
- Chi cục THA Dân sự quận H An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng

